

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ ĐI LẠI ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG HƯỞNG LƯƠNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÍ SÁP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STC ngày /12/2025 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Nơi công tác trước sắp xếp		Nơi công tác sau sắp xếp	Địa chỉ nơi cư trú (theo hộ khẩu thường trú)	Địa chỉ công tác được điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển công tác	Khoảng cách từ nơi cư trú đến trụ sở làm việc (tính theo đường bộ ngắn nhất) (km)	Thời gian điều động, luân chuyển, biệt phái (tháng)	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ theo NQ16/2025/NQ-HĐND	Ghi chú
		Khối Đảng, Hội, Đoàn thể	Khối chính quyền									
A	B	I		2	3	4	5	6	7	8	9=8*7	10
	TỔNG CỘNG										286,800,000	
I	LÃNH ĐẠO SỐ										12,000,000	
1	Mai Văn Quyết		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
2	Phạm Thanh Bình		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
3	Phạm Văn Long		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
3	Lê Đức Phúc		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
4	Nguyễn Trung Dũng		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
II	PHÒNG ĐẦU TƯ										33,600,000	
1	Nguyễn Minh Tú		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
2	Ngô Thị Hòa		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
3	Trần Duy Thái		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
4	Phạm Thị Hà		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
5	Nguyễn Thị Giang		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
6	Phạm Thanh Thủy		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
7	Đoàn Thị Thu Dung		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
8	Lê Khánh Linh		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
9	Phạm Văn Doanh		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
10	Trịnh Bình Nam		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
11	Trần Trọng Thành		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
12	Nguyễn Huy Hoàng		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
13	Đỗ Quý Thắng		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
14	Nguyễn Linh Chi		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
III	PHÒNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI										24,000,000	
1	Bùi Thị Thanh Hằng		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
2	Trần Quốc Hùng		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
3	Phạm Thị Tuyết		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
4	Nguyễn Thị Thuỷ Liên		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
5	Nguyễn Tài Công		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
6	Đào Mạnh Hòa		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
7	Trần Trung Hiếu		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
8	Lê Hải Yến		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
9	Nguyễn Tiến Đạt		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
10	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	0	0	Nghỉ thai sản đến hết tháng 02/2026
11	Đoàn Thanh Dung		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
IV	PHÒNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN										28,800,000	
1	Đỗ Thành Luân		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
2	Trần Thị Ngọc Anh		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
3	Trương Minh Hữu		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
4	Bùi Minh Thu		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
5	Trần Tất Hải		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
6	Đinh Trương Ngọc		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
7	Nguyễn Thị Mơ		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
8	Nguyễn Trường Giang		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
9	Nguyễn Tiến Sơn		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
10	Lương Thị Thủy		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
11	Lã Trần Tiến		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
12	Phạm Lê Hoàng		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
V	VĂN PHÒNG										21,600,000	
1	Nguyễn Thị Thanh Hương		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
2	Nguyễn Thị Khánh Ngọc		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
3	Nguyễn Minh Quang		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
4	Nguyễn Thị Quyên		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
5	Vũ Thị Huệ		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
6	Trần Nhật Anh		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
7	Nguyễn Mạnh Hà		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
8	Bùi Quốc Tiến		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
9	Quách Huyền Trang		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	0	0	Nghỉ thai sản đến hết tháng 3/2026
10	Hoàng Văn Khuyến		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
VI	PHÒNG THẨM ĐỊNH ĐẦU TƯ CÔNG VÀ GIÁM SÁT										19,200,000	
1	Trịnh Quỳnh Ngọc		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
2	Ngô Thị Hòa		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
3	Nguyễn Bá Trường		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
4	Nguyễn Văn Hưng		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
5	Trần Văn Biền		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
6	Mai Hoàng Dương		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
7	Vũ Tuấn Anh		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
8	Tạ Văn Hưng		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
9	Bùi Vũ Thư		Sở Tài chính tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình					1,200,000	0	0	Nghỉ thai sản đến hết tháng 3/2026
VII	PHÒNG TỔNG HỢP VÀ QUY HOẠCH										16,800,000	
1	Phạm Bùi Thành Đạt		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,000	2	2,400,000	
2	Đào Anh Thuận		Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình					1,200,00			